

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2024**

I. THÔNG TIN CHUNG

1.1. Tên cơ sở giáo dục: TRƯỜNG MẦM NON HUNG ĐẠO

1.2. Địa chỉ trụ sở chính và các địa chỉ hoạt động khác của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

- Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Hung Đạo: Thôn Phụng Sơn - xã Hung Đạo, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

- Điện thoại: 0964869479

- Email: truongmnhungdaocl@gmail.com

- Website: <http://mnhungdao.chilinh.edu.vn>

- Fanpage: Trường Mầm non Hung Đạo.

1.3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư (nếu có)

- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường mầm non công lập

- Cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp: UBND thành phố Chí Linh.

1.4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

Sứ mạng:

Tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân.

Tạo dựng đội ngũ CBCNV đạo đức, giỏi chuyên môn - là người giữ trọng trách hướng dẫn, khuyến khích, thúc đẩy khả năng khám phá của trẻ; giúp trẻ hình thành tích cách tự lập, có bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Luôn tạo dựng và gắn kết với phụ huynh mà ở đó gia đình sẽ đóng vai trò hỗ trợ đắc lực giúp giáo viên phát triển tối đa tiềm năng của trẻ.

Tầm nhìn:

Xây dựng nhà trường đạt chuẩn về việc chăm sóc giáo dục và phát triển tối đa những tố chất thông minh của trẻ ngay từ nhỏ.

Khuyến khích trí tò mò tìm hiểu thế giới xung quanh của trẻ sẽ giúp các con tiếp thu kiến thức một cách tự nhiên, giúp các con có khả năng tư duy độc lập, phát triển về kiến thức lẫn nhân cách một cách toàn diện, đáp ứng nhu cầu và mong đợi ngày càng nâng cao của đông đảo phụ huynh trong và ngoài địa bàn, là sự lựa chọn đầu tiên cho các bậc cha mẹ có con trong độ tuổi mầm non.

Mục tiêu:

Xây dựng môi trường giáo dục hiện đại trong đó đề cao sự phát triển cá tính và năng khiếu riêng biệt của trẻ.

Xây dựng nhà trường có uy tín về chất lượng giáo dục, phù hợp với yêu cầu đổi mới và hội nhập.

Tiếp tục duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi trong những năm tiếp theo. Nâng cao chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ đạt hiệu quả cao.

1.5. Quá trình hình thành và phát triển.

Trường Mầm non Hưng Đạo là trường thuộc khu vực nông thôn cách trung tâm Thành phố Chí Linh khoảng 14,5km. Trường được thành lập từ năm 1978, nằm rải rác ở 8 thôn.. Với chức năng nhiệm vụ chính là tổ chức thực hiện việc nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ từ ba tháng tuổi đến sáu tuổi theo chương trình giáo dục mầm non do Bộ trưởng Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.

Tháng 7 năm 2016 trường được công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1826 /QĐ-UBND ngày 07 tháng 7 năm 2016

Tháng 11 năm 2021 Trường mầm non Hưng Đạo được UBND Tỉnh Hải Dương công nhận trường chuẩn quốc gia Mức độ 2 theo Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND Tỉnh Hải Dương và đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 1274/QĐ-SGDĐT ngày 12/11/2021 của Sở GDĐT Hải Dương;

Chi ủy, Chi bộ được Đảng bộ xã Hưng Đạo đánh giá Hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Công đoàn, Chi đoàn thanh niên đánh giá hoàn thành tốt, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nhiều năm liền.

Nhà trường có đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên đầy đủ về số lượng đảm bảo về chất lượng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt, tay nghề vững vàng, có năng lực, nhiệt tình và năng động trong công tác, có kinh nghiệm trong quản lý và giảng dạy, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

Qua những thành tích đạt được trường Mầm non Hưng Đạo luôn phấn đấu giữ vững danh hiệu và hoàn thành tốt mục tiêu giáo dục đề ra cho những năm sau.

1.6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ nơi làm việc; số điện thoại, địa chỉ thư điện tử.

Họ và tên: Dương Thị Hương

Chức vụ: Bí thư chi bộ, hiệu trưởng nhà trường.

Địa chỉ nơi làm việc: Trường Mầm non Hưng Đạo

Địa chỉ trụ sở chính Trường mầm non Hưng Đạo: Thôn Phượng Sơn- xã Hưng Đạo, Thành phố Chí Linh, Tỉnh Hải Dương.

Số điện thoại: 0964868479

Địa chỉ thư điện tử: duonghuongclhd@gmail.com

- Website: <http://mnhungdao.chilinh.edu.vn>

1.7. Tổ chức bộ máy:

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Quyết định số 1024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 06 năm 2012 của UBND thành phố Chí Linh chuyển đổi trường mầm non bán công sang công lập trên địa bàn thị xã Chí Linh (nay là thành phố Chí Linh).

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường,

Căn cứ Quyết định số 594/QĐ-PGDĐT ngày 29/04/2023 của Phòng GD &ĐT thành phố Chí Linh về việc thành lập Hội đồng trường, trường mầm non Hưng Đạo, nhiệm kỳ 2023 - 2028:

Danh sách thành viên hội đồng trường:

TT	Họ và tên	Chức vụ hiện tại	Chức vụ Hội đồng trường
1	Vũ Thị Hào	CTCD- PHT	Chủ tịch
2	Phạm Thị Thanh Huyền	GV- Bí thư ĐTN	Thư ký
3	Dương Thị Hương	Bí thư CB-HT	Thành viên
4	Phạm Hữu Hồng	PCT UBND xã	Thành viên
5	Lê Thị Yên	GV- TT	Thành viên
6	Hoàng Thị Thu Hương	Kế toán- Kiểm VT	Thành viên
7	Trần Thị Hằng	Trưởng ban ĐDCMHS	Thành viên

c) Quyết định điều động, luân chuyển, bổ nhiệm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng;

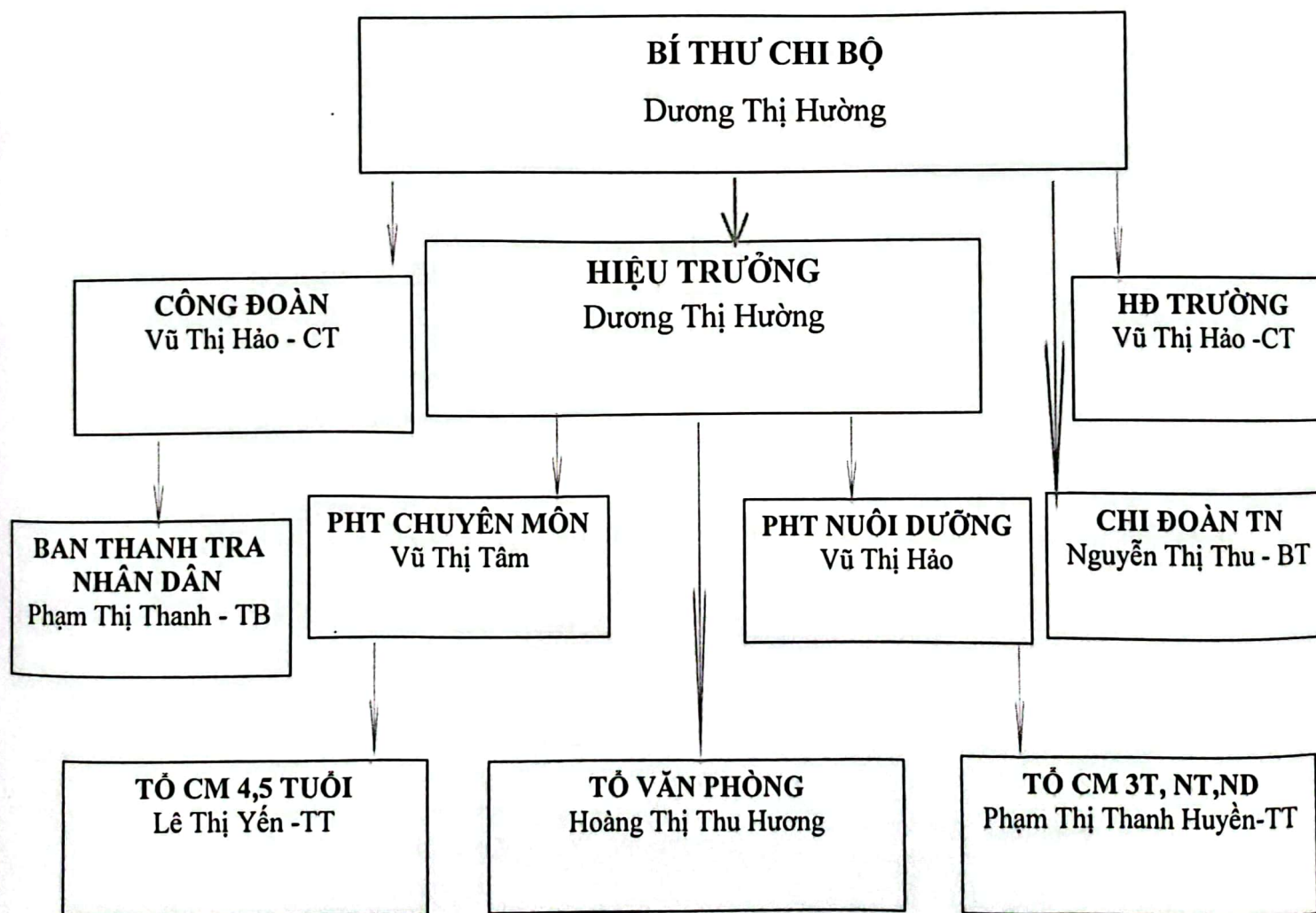
Quyết định số 4951/QĐ-UBND ngày 13 tháng 12 năm 2022 của UBND Thành phố Chí Linh về việc điều động, luân chuyển và bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Mầm non Hưng Đạo đối với đ/c Dương Thị Hường.

Quyết định số 702 /QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2019 của UBND Thành phố Chí Linh về việc bổ nhiệm lại chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hưng Đạo đối với đ/c Vũ Thị Hào.

Quyết định số 767/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2020 của UBND Thành phố Chí Linh về việc điều động và bổ nhiệm chức danh Phó hiệu trưởng trường Mầm non Hưng Đạo đối với đ/c Vũ Thị Tâm.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

(Kèm theo bảng sơ đồ bộ máy nhà trường)



II. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

STT	Nội dung thu - chi	Năm báo cáo (năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1	A. NGÂN SÁCH NĂM 2023	3,468,282,000	3,155,663,000
2	I. Kinh phí chi thường xuyên giao tự chủ	3,180,282,000	2,752,930,000
	Phần thu:	3,180,282,000	2,752,930,000
3	Dự toán giao đầu năm	3,180,282,000	2,588,752,000
4	Dự toán giao bổ sung trong năm	-	164,178,000
	Phần Chi	1,625,110,770	2,752,930,000
5	Chi tiền lương	845,538,002	1,370,222,371
6	Chi tiền phụ cấp lương	398,887,827	661,881,266
7	Chi tiền thưởng	-	9,834,000
8	Chi các khoản đóng góp	222,868,068	385,790,453
9	Chi thanh toán dịch vụ công cộng	18,289,145	33,116,988
10	Chi vật tư văn phòng	7,595,778	10,026,000
11	Chi thông tin, tuyên truyền, liên lạc	6,237,000	13,548,000
12	Chi thuê mướn	32,040,000	149,401,900
13	Chi sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác CM và các công trình cơ sở hạ tầng	26,500,000	39,916,000
14	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	19,411,100	38,293,422
15	Chi khác	47,743,850	40,899,600
	Dư cuối kỳ:		-
16	II. Kinh phí chi thường xuyên không giao tự chủ	288,000,000	402,733,000
	Phần thu:	288,000,000	402,733,000
17	DT năm trước chuyển sang	288,000,000	60,000,000
18	Dự toán giao đầu năm	-	11,340,000
19	Dự toán giao bổ sung trong năm	-	331,393,000
	Phần Chi:	148,000,000	105,505,000
20	Chi Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên, cán bộ đi học		1,600,000
21	Chi chi phí thuê mướn		2,360,000
22	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành (Chi mua hàng hóa, vật tư)		57,640,000
23	Chi khác (Cấp bù HP cho cơ sở GDĐT theo C.độ)		43,905,000
24	Chi hỗ trợ giáo viên theo NQ24/2023	148,000,000	
	Dư cuối kỳ:	140,000,000	297,228,000

Ghi chú:

Trong tổng số dư: 297.228.000 đồng

- Đã điều chỉnh giảm trong năm: 9.215.000đ (tiền c/d học sinh)

- Hủy dự toán: 13.000đ (KP hỗ trợ chênh lệch mức thu HP năm học 2022-2023 không chi hết)

- Chuyển nguồn sang năm 2024: 288.000.000đ (tiền hỗ trợ GV theo NQ 24/2003)

STT	Nội dung thu - chi	Năm báo cáo (năm 2024)	Năm trước liền kề năm báo cáo (2023)
1	B. CÁC KHOẢN THU - CHI KHÁC TỪ HS		
2	Tổng thu	319,095,781	1,787,997,314
3	Tổng chi	137,468,960	1,647,800,161
4	Tổng dư	181,626,821	140,197,153
5	I. Khoản thu theo quy định	319,095,781	381,325,814
6	Phần thu:	319,095,781	381,325,814
7	Dư năm trước chuyển sang	140,153,281	95,368,814
8	Thu tiền học phí trong năm	178,942,500	285,957,000
9	- Số thu HP trong năm (Mức thu: NT: 125.000đ/trẻ/tháng; MG 3,4,5T: 105.000đ/trẻ/tháng)	178,942,500	242,052,000
10	- Cấp bù HP (Chế độ HS cận nghèo)		525,000
11	- KP hỗ trợ chênh lệch mức thu HP từ NS NH 2022-2023		43,380,000
12	Phần chi:	137,468,960	241,172,533
13	Chi cải cách tiền lương 40%		154,599,033
14	Chi hoạt động 60%	137,468,960	86,573,500
15	Dư cuối kỳ:	181,626,821	140,153,281
16	II. Các khoản thu - chi phục vụ		1,406,671,500
17	Thu tiền ăn bán trú của học sinh NH 2023-2024 Mức thu: 17.000đ/trẻ/ngày		619,344,000
18	Phần chi:		619,300,128
19	Chi mua thực phẩm phục vụ ăn bán trú cho trẻ		618,069,153
20	Mua dưa cho trẻ tổng kết NH 2023-2024 (bằng tiền giảm trừ thuế từ tháng 9/2023-5/2024)		1,230,975
21	Dư cuối kỳ:		43,872
22	Thu tiền chăm sóc PV bán trú NH 2023-2024		593,340,000
23	Phần chi:		593,340,000
24	Chi trả công NV nuôi + đóng BH		193,327,000
25	Chi trả CBQL,GV,NV chăm sóc, phục vụ BT		400,013,000
26	Dư cuối kỳ:		-
27	Thu tiền phụ phí phục vụ bán trú		83,946,000
28	Phần thu:		83,946,000
29	+ Tiền chất đốt (Mức thu 23.000đ/trẻ/tháng)		56,775,500
30	- Chi mua ga nấu ăn BT		56,320,000
31	- Chi sửa bếp ga, tủ cơm ga		455,500
32	+ Tiền chất tẩy rửa (Mức thu: 5.000đ/trẻ/tháng)		12,347,500
33	- Chi mua chất tẩy rửa		12,347,500

34	+ Tiền mua nước đóng bình (Mức thu: 6.000đ/trẻ/tháng)	14,823,000
35	- Chi mua nước đóng bình	14,823,000
36	Phần chi:	83,946,000
37	Dư cuối kỳ:	-
38	Thu tiền nước uống học sinh Mức thu: 5.000đ/trẻ/tháng	12,347,500
39	Chi mua nước uống đóng bình	12,347,500
40	Dư cuối kỳ:	-
41	Thu tiền vệ sinh trường lớp Mức thu: 20.000đ/trẻ/tháng	49,400,000
42	- Chi trả công dọn vệ sinh trường lớp	13,500,000
43	- Chi mua dụng cụ dọn VS, nước tẩy rửa, giấy VS	35,900,000
44	Phần chi:	49,400,000
45	Dư cuối kỳ:	-
46	Thu tiền CSVC bán trú trẻ lần đầu Mức thu trẻ NT,3T,4T: 200.000đ/trẻ/khoá học Mức thu trẻ 5 tuổi: 200.000đ/trẻ/năm	14,200,000
47	Chi mua bổ sung đồ dùng bán trú	14,200,000
48	Dư cuối kỳ:	-
49	Thu tiền đồ dùng the TT01/VBHN-BGD	34,094,000
50	Chi mua đồ dùng, học liệu cho trẻ	34,094,000
51	Dư cuối kỳ:	-

Ghi chú: Thu chi năm 2024 tính đến 30/6/2024

III. ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên

1.1. Số lượng giáo viên, CBQL và nhân viên theo vị trí việc làm và trình độ đào tạo

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Dưới TC
			TS	ThS	ĐH	CD	TC	
	Tổng số CBQL, GV, NV	32			23	3	2	4
I	Cán bộ quản lý	3			3			
1	Hiệu trưởng	1			1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2			
II	Giáo viên	22			19	3		
1	Nhà trẻ	4			3	1		
2	Mẫu giáo	18			16	2		

III	Nhân viên	7			1		4
1	Nhân viên kế toán	1			1		
2	Nhân viên văn thư						
3	Thủ quỹ						
4	Nhân viên y tế						
5	Nhân viên nuôi dưỡng	4				2	2
6	Nhân viên Bảo vệ	2					2
7	Nhân viên VSMT						
8	Nhân viên phục vụ						

1.2. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên đạt chuẩn nghề nghiệp

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý				
Xếp loại	Tốt	3	100%	3	100%
	Khá				
	Đạt				
	Chưa đạt				
2	Giáo viên				
Xếp loại	Tốt	16	73%	23	100%
	Khá	6	27%		
	Đạt				
	Chưa đạt				

1.3. Số lượng, tỷ lệ cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023		Năm học 2023 - 2024	
		Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
1	Cán bộ quản lý	3	100%	3	100%
2	Giáo viên	22	100%	23	100%
3	Nhân viên	7	100%	7	100%

2. Thông tin về cơ sở vật chất

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024	Năm học 2024- 2025	Theo yêu cầu quy định
1	Diện tích khu đất xây dựng	6300m ²	6300m ²	6300m ²	
	Điểm trường	2	2	2	
	Diện tích bình quân cho trẻ	20m ²	21m ²	24,9m ²	
2	Số lượng, hạng mục thuộc các khối phòng				
2.1.	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc trẻ				
	Phòng học (nuôi dạy, chăm sóc trẻ)	11	11	11	
	Phòng vệ sinh	11	11	11	
	Phòng ngủ	0	0	0	
	Phòng khác	0	0	0	
2.2.	Khối phòng phục vụ học tập	4	4	4	
	Thư viện	0	0	0	
	Phòng thể chất	1	1	1	
	Phòng đa chức năng (nghệ thuật)	1	1	1	
	Phòng khác (phòng chiếu phim)	2	2	2	
2.3.	Phòng tổ chức ăn				
	Nhà bếp	2	2	2	
	Nhà kho	2	2	2	
	Phòng khác	0	0	0	
2.4.	Khối phòng hành chính, quản trị				
	Phòng hiệu trưởng	1	1	1	
	Phòng phó hiệu trưởng	2	2	2	
	Văn phòng trường	1	1	1	
	Phòng họp	0	0	0	
	Phòng hành chính quản trị	1	1	1	
	Phòng bảo vệ	1	1	1	
	Phòng y tế	1	1	1	
	Phòng truyền thống				
	Phòng nhân viên				
	Phòng khác				
2.5.	Khối công trình công cộng				
	Nhà xe giáo viên	2	2	2	

	Phòng khác	0	0	0	
3	Số lượng thiết bị đồ dùng, đồ chơi hiện có	11	11	11	
4	Số lượng đồ chơi ngoài trời	5	5	5	
5	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác				
	- Tivi	6	6	6	
	- Đàn	5	5	5	
	- Máy phô tô	1	1	1	
	- Máy chiếu	1	1	1	
	- Đầu video/ đầu đĩa	1	1	1	
	- Máy vi tính văn phòng	5	5	5	
	Máy in	5	5	5	

3. Kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục

3.1. Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

Kết quả tự đánh giá

- Trường Mầm non Hưng Đạo tự đánh giá đạt: Kiểm định chất lượng Cấp độ 3, trường chuẩn quốc gia Mức độ 2.

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá

3.2. Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm tiếp theo và hàng năm

- Kết quả đánh giá và công nhận: Trường đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2 theo Quyết định số 3310/QĐ-UBND ngày 15/11/2021 của UBND Tỉnh Hải Dương; Kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 1274/QĐ-SGDĐT ngày 12/11/2021 của Sở GDĐT Hải Dương;

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch duy trì giữ vững trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia mức độ 2 và kiểm định CLGD cấp độ 3 hàng năm.

IV. KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

1. Kế hoạch hoạt động giáo dục

Kế hoạch PTGD: 11 lớp/ 306 trẻ, số trẻ ra lớp 254/11 lớp (tháng 9/2024)

Nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non theo quy định của Bộ GDĐT.

2. Thông tin về kết quả thực hiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em của năm học trước.

STT	Nội dung	Năm học 2022 - 2023	Năm học 2023 - 2024
1	Tổng số lớp	11	11
2	Tổng số trẻ	317	299
3	Số trẻ bình quân/nhóm(lớp)	28.8	27.2
4	Số trẻ học 2 buổi/ngày	317	299
5	Số trẻ được tổ chức ăn bán trú	317	299
6	Số trẻ được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng và kiểm tra sức khỏe định kỳ	317	299
7	Kết quả thực hiện phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 05 tuổi	Đạt	Đạt
8	Số trẻ khuyết tật	0	

V. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

1. Nâng cao chất lượng, chuẩn hóa đội ngũ CBQL và giáo viên mầm non.

Ban giám hiệu nhà trường tích cực chủ động nghiên cứu, chỉ đạo, triển khai tổ chức thực hiện đúng các văn bản chỉ đạo của cấp trên, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ cho giáo viên. Tăng cường công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức lối sống, nâng cao nhận thức, rèn luyện phẩm chất nghề nghiệp, bố trí công việc phù hợp với năng lực sở trường, đánh giá lựa chọn, giáo viên có đầy đủ phẩm chất đạo đức, năng lực sư phạm, nhiệt tình làm tổ trưởng tổ phó chuyên môn. Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá về thực hiện quy chế chuyên môn, hồ sơ sổ sách giáo viên, hồ sơ bồi dưỡng thường xuyên. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho hoạt động chuyên môn, chăm lo đời sống, vật chất tinh thần cho giáo viên.

2. Thực hiện các kế hoạch, đề án

Nhà trường xác định rõ các mục tiêu đề án và lập kế hoạch, xác định các công việc cần thực hiện trong đề án và phân công cho các thành viên trong trường cùng thực hiện. Đến thời điểm hiện tại các kế hoạch, đề án của nhà trường thực hiện đúng tiến độ.

3. Công tác xã hội hóa và hội nhập quốc tế

Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ tích cực từ phía địa phương, đơn vị kết nghĩa, và các bậc phụ huynh trong nhà trường.

4. Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin

Nhà trường đang thực hiện thí điểm chuyển đổi số trong công tác quản lý giáo dục giai đoạn 2022 -2025.

Xây dựng kho tài liệu trực tuyến dùng chung.

Nhà trường áp dụng tốt các phần mềm như: Cơ sở dữ liệu ngành, quản lý cán bộ, quản lý HSSS, dinh dưỡng, quản lý Misa, thanh toán học phí, kế toán hành chính sự nghiệp IMAS, bảo trợ xã hội, hỗ trợ kê khai thuế, dịch vụ công, quản lý tài sản công, Elearning soạn giáo án điện tử...

Thực hiện tốt ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý hồ sơ và báo cáo. Cập nhật, thống kê và báo cáo đầy đủ theo quy định trên phần mềm.

Tiếp tục triển khai rà soát, hoàn thiện, cập nhật mã định danh của trẻ; hồ sơ trường, hồ sơ giáo viên trên cơ sở dữ liệu ngành theo đúng quy định.

Khai thác nguồn tài liệu, các ứng dụng, phần mềm để vận dụng vào tổ chức các hoạt động giáo dục cho trẻ.

Nhà trường định hướng cho giáo viên ứng dụng các ứng dụng như pinterest (website chia sẻ ảnh dưới dạng mạng xã hội); powerpoint (phần mềm trình chiếu để truyền tải thông tin); Articulate Studio (phần mềm biến các slide thuyết trình powerprint thành bài giảng điện tử)... trong thiết kế và hoạt động giáo dục cho trẻ.

5. Công tác truyền thông

Nhà trường đã đẩy mạnh công tác truyền thông về giáo dục mầm non, các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.

Tuyên truyền phổ biến kiến thức nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ thông qua bảng tin tuyên truyền của trường, lớp, qua trang mạng xã hội (trang fanpage Mầm non Hưng Đạo, zalo nhóm lớp), thông qua website trường: <http://mnhungdao.chilinh.edu.vn>

Trên đây là báo cáo thường niên của nhà trường thực hiện chương trình giáo dục mầm non năm học 2024-2025.

Nơi nhận:

- Phòng GDĐT;
- Cổng thông tin điện tử;
- CBGVNV nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Dương Thị Hương